

THIẾT KẾ BÀI DẠY

Môn: Toán lớp 4

Tiết: 138

Bài: TÌM HAI SỐ KHI BIẾT TỔNG VÀ TỈ SỐ CỦA HAI SỐ ĐÓ

I. MỤC TIÊU:

- Biết cách tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó.
- Giải được các bài toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó.
- GDHS: Tính cẩn thận và chính xác.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: SGK, SGV, máy chiếu
- HS: SGK, vở ghi bài.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>I. Ổn định lớp: Lớp hát</p> <p>II. Kiểm tra bài cũ.</p> <p>- Tiết toán trước các em học bài gì?</p> <p>- Gọi 2 HS lên bảng thực hiện. Viết tỉ số của m và n, biết</p> <p>a) $m = 5; n = 4$</p> <p>b) $m = 1; n = 3$</p> <p>c) $m = 2; n = 5$</p> <p>d) $m = 4; n = 7$</p> <p>- Gọi HS nhận xét. GV nhận xét.</p> <p>- Gọi HS lên bảng làm bài toán: Trên bãi cỏ có 20 con bò và có số trâu bằng $\frac{1}{4}$ số bò. Hỏi trên bãi cỏ có mấy con trâu?</p> <p>- GV gọi HS nhận xét.</p> <p>- GV nhận xét tuyên dương.</p> <p>III. Bài mới</p> <p>1. Giới thiệu bài: Các em đã biết cách tìm tỉ số của hai tỉ số, trong giờ học này chúng ta sẽ cùng tìm cách giải bài toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó. Qua bài “ tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó”.</p> <p>2. Hướng dẫn giải bài toán:</p> <p>a) Bài toán 1:</p>	<p>- Hát.</p> <p>- Hs trả lời: Giới thiệu tỉ số.</p> <p>- Hs thực hiện:</p> <p>a) $\frac{5}{4}$; b) $\frac{1}{3}$; c) $\frac{2}{5}$; d) $\frac{4}{7}$.</p> <p>- HS nhận xét.</p> <p>- HS lên bảng thực hiện cả lớp làm vào bảng.</p> <p><u>Giải:</u> Số con trâu là: $20 \times \frac{1}{4} = 5$ (con)</p> <p>Đáp số: 5 con trâu.</p> <p>- HS nhận xét.</p> <p>- HS lắng nghe và nhắc lại tên bài.</p>

- GV nêu bài toán: Tổng của hai số là 96. Tỉ số của hai số đó là $\frac{3}{5}$. Tìm hai số đó.

- GV hỏi:

+ Bài toán cho ta biết những gì?

+ Bài toán hỏi gì?

- GV nêu: Bài toán cho biết tổng và tỉ số của hai số rồi yêu cầu chúng ta tìm hai số, dựa vào đặc điểm này nên chúng ta gọi đây là bài toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của chúng.

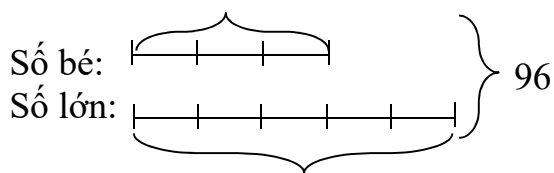
- GV yêu cầu dựa vào tỉ số của hai số, số bé biểu diễn bằng mấy phần bằng nhau? số lớn biểu diễn bằng mấy phần bằng nhau?

- GV yêu cầu HS vẽ sơ đồ biểu diễn số bé và số lớn.

- GV hỏi bạn nào có thể biểu diễn tổng của hai số?

- GV yêu cầu hs biểu diễn câu hỏi của bài toán.

- GV thống nhất sơ đồ đúng:
?



?

- GV hướng dẫn hs giải bài toán:

+ Em hãy đọc sơ đồ và cho biết 96 tương ứng với mấy phần bằng nhau?

+ Em làm cách nào để tìm được 8 phần bằng nhau?

- HS lắng nghe và nhắc lại bài toán.

- HS trả lời:

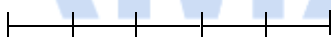
+ Bài toán cho ta biết tổng của hai số là 96. Tỉ số của hai số đó là $\frac{3}{5}$.

+ Yêu cầu tìm hai số.

- HS trả lời: số bé biểu diễn thành 3 phần bằng nhau, số lớn biểu diễn thành 5 phần bằng nhau.

- HS vẽ lên bảng. Cả lớp vẽ vào nháp.

Số bé: 

Số lớn: 

- 1 HS biểu diễn. Cả lớp vẽ vào nháp.

- HS tiếp tục biểu diễn.

- HS tìm lời giải theo hướng dẫn của GV.

+ 96 tương ứng với 8 phần bằng nhau.

+ Để biết 96 tương ứng với bao nhiêu phần bằng nhau ta tính tổng số phần bằng nhau của số bé và số lớn: $3+5=8$ (phần). Như vậy tổng hai số tương ứng với tổng số phần bằng nhau.

+ Biết 96 tương ứng với 8 phần bằng nhau, vậy bạn nào có thể tính giá trị của 1 phần?

+ Số bé có mấy phần bằng nhau?

+ Biết số bé có 3 phần bằng nhau, ta có giá trị của 1 phần. Vậy muốn tính số bé ta làm như thế nào?

+ Muốn tính số lớn ta làm như thế nào?

- GV nói: chúng ta đã vừa biết trình tự để tìm ra số bé và số lớn, vậy bây giờ các em sẽ trình bày hoàn chỉnh bài toán này.

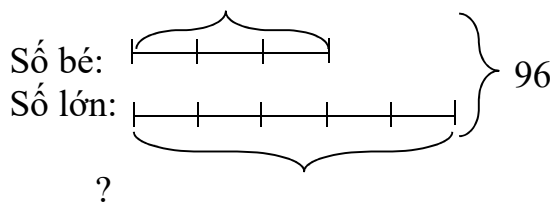
- GV yêu cầu HS trình bày lời giải vào nháp, từng HS lên bảng làm theo trình tự của bài toán.

- Gọi HS nhận xét.

- GV nhận xét, chốt bài giải:

Ta có sơ đồ:

?



Theo sơ đồ, tổng số phần bằng nhau là:

$$3 + 5 = 8 \text{ (phần)}$$

+ Đếm. Thực hiện phép cộng $3+5=8$.

+ Giá trị của 1 phần là:

$$96 : 8 = 12$$

+ Có 3 phần bằng nhau.

+ Ta lấy giá trị của 1 phần nhân với 3 ($12 \times 3 = 36$)

+ Ta lấy giá trị một phần nhân với 5 hoặc lấy tổng trừ đi số bé ($12 \times 5 = 60$ hoặc $96 - 36 = 60$).

- HS lên bảng làm:

Theo sơ đồ, tổng số phần bằng nhau là:

$$3 + 5 = 8 \text{ (phần)}$$

Giá trị của một phần là:

$$96 : 8 = 12$$

Số bé là:

$$12 \times 3 = 36$$

Số lớn là:

$$96 - 36 = 60$$

Đáp số: số lớn: 60 ; số bé 36.

- HS nhận xét.

Số bé là:

$$96 : 8 \times 3 = 36$$

Số lớn là:

$$96 - 36 = 60$$

Đáp số: số lớn: 60 ; số bé 36.

- GV nói: Sau khi ta tìm tổng số phần bằng nhau ta tìm giá trị của một phần, bước này ta có thể làm gộp với bước tìm số bé.

- Chuyển ý: Chúng ta đã biết thực hiện bài toán tìm 2 số khi biết tổng và tỉ số của hai số, bây giờ lớp chúng ta sẽ cùng nhau sang bài tập cụ thể sau.

b) Bài toán 2:

- GV gọi HS đọc đề bài.

- GV hỏi:

+ Bài toán cho biết gì?

+ Bài toán hỏi gì?

+ Bài toán thuộc dạng toán gì? Vì sao em biết?

- GV yêu cầu HS dựa vào tỉ số vở của Minh và Khôi để vẽ sơ đồ đoạn thẳng.

- GV nhận xét sơ đồ của HS, sau đó kết luận: Vì số vở của bạn Minh

bằng $\frac{2}{3}$ số vở của bạn Khôi nên ta

vẽ số vở của bạn Minh là 2 phần bằng nhau thì số vở của bạn Khôi là 3 phần.

- GV hướng dẫn HS giải bài toán:

+ Theo sơ đồ 25 quyển vở tương ứng với bao nhiêu phần bằng nhau?

+ Vậy 1 phần tương ứng với mấy quyển vở?

- HS đọc.

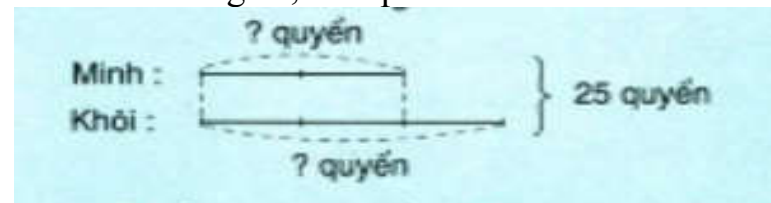
- HS trả lời:

+ Minh và Khôi có 25 quyển vở, số vở của Minh bằng $\frac{2}{3}$ số vở của Khôi.

+ Số vở của mỗi bạn.

+ Bài toán thuộc dạng tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó. Vì bài toán cho ta biết tổng số vở của hai bạn, cho biết tỉ số giữa số vở của bạn Minh và bạn Khôi.

- 1 HS lên bảng vẽ, cả lớp vẽ vào vở.



- HS lắng nghe.

- HS thực hiện theo hướng dẫn: